

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/9/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Trần Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toản.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lâm Thị Trúc GI, sinh năm 2002. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã ĐK, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. **Bị đơn:** Anh Hoàng Công TH, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Chị và anh Hoàng Công TH tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2021; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh TH về sinh sống tại khu Đ, thị trấn ĐP. Trước và từ khi tiến tới quan hệ hôn nhân anh TH có tính cách cục cằn, thường xuyên gen tuông vô cớ, rồi chửi bới, xúc phạm đánh

đập chị. Tình trạng mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn khi con chung của chị và anh TH mất vào năm 2023. Đến khoảng đầu năm 2024 chị và anh TH sống ly thân cho đến nay. Anh TH sinh sống tại khu Đ, thị trấn ĐP cùng với cha mẹ ruột, còn chị về sinh sống tại thôn 6, xã ĐK. Trong thời gian này cả gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn vợ chồng chị, nhưng không hòa giải được. Ngoài ra trong thời gian này anh TH còn có hành vi chửi bới, đe dọa xúc phạm cha mẹ chị. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, không thể níu kéo. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn với anh TH. Chị và TH có 01 con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 01/02/2023 nhưng đã chết ngày 28/7/2023. Ngoài ra không còn con chung và hiện nay cũng không mang thai, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng không gửi ý kiến cho Tòa án, không tham gia các buổi làm việc và xét xử. Tại biên bản giao nhận văn bản tố tụng, bị đơn cho ý kiến đồng ý ly hôn nhưng do bận việc xin giải quyết vắng mặt, không có ý kiến yêu cầu gì khác.*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và Giấy trích lục kết hôn số 266 ngày 09/12/2022 thể hiện anh TH và chị GI đăng ký kết hôn và được cấp giấy kết hôn số 53, ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã ĐK. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và nội dung xác minh với chính quyền nơi cư trú thể hiện các bên có xảy ra mâu thuẫn gia đình và đã sống ly thân trong thời gian dài cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản theo quy định nhưng anh TH không gửi ý kiến và không về làm việc, mà chỉ cho ý kiến tại biên bản giao nhận của Tòa án đồng ý ly hôn, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác, đề nghị xin giải quyết vắng mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại 2

Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của chị GI là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày các bên thể hiện có 01 con chung nhưng đã chết, ngoài ra không có con chung hoặc đang mang thai, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn; Chị Lâm Thị Trúc GI được ly hôn với anh Hoàng Công TH.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị Trúc GI phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009123 ngày 10/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã ĐK;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình